

Bản án số: 59/2024/HS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khả Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thanh Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thị Bé D; do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Thị Bé D, sinh ngày: 01/01/1985, tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 7, xã K A, huyện U M, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Phạm Minh Hoàng và bà: Lê Thị Nảo; chồng: Võ Thành Lil; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/5/2023; bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Thanh L, Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Các bị hại có kháng cáo:

- Bà Quách Thị U, sinh năm: 1957 (có mặt);
- Bà Quách Thị C, sinh năm: 1964 (có mặt);
- Bà Quách Kiều T, sinh năm: 1966 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1967 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1950 (có mặt);
- Bà Dương Diệu H1, sinh năm: 1965 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1964 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1974 (có mặt);
- Ông Phan Văn D1, sinh năm: 1976 (có mặt);
- Bà Phạm Thị H2, sinh năm: 1971 (có mặt);
- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970 (có mặt);
- Bà Quách Thị B, sinh năm: 1952 (có mặt);

13. Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm: 1975 (có mặt);
14. Bà Đỗ Bích T2, sinh năm: 1993 (vắng mặt);
15. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1972 (có mặt);
Tất cả cùng nơi cư trú: Ấp 7, xã K A, huyện U M, tỉnh Cà Mau.
16. Bà Đỗ Ánh T4, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp 19/5, xã Khánh B, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau (có mặt);
17. Bà Bùi Như Y, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Ấp 12B, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);
18. Bà Nguyễn Thu D2, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Ấp Tắc T, xã Hồ Thị K, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau (có mặt);
19. Bà Nguyễn Tuyết K, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Ấp 4, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Ngoài ra còn có 28 bị hại và 15 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/9/2019 (nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch), Phạm Thị Bé D mở 03 dây hội (hình thức hùn vốn) cho phụ nữ trong ấp tham gia, mỗi tháng khai một lần, người nào hốt sẽ chi hoa hồng cho D 300.000 đồng/1 lần khai. Đến năm 2020, D mở thêm 05 dây hội cho người dân cư trú tại địa phương tham gia, mỗi tháng khai một lần, D hưởng hoa hồng là 50%/chân hội. Do có người tham gia chơi hốt hội không đóng hội chết, D tự ý lấy tên hội viên hốt 16 chân của 05 dây hội chiếm đoạt số tiền 332.175.000 đồng, sử dụng vào việc choàng hội và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 15/02/2022 (nhằm ngày 15/01/2022 âm lịch) không còn khả năng cân đối tài chính, D tuyên bố đình hùn vốn và đình hội. Lúc này còn 03 dây hội (hùn vốn) và 05 dây hội chưa mãn, cụ thể như sau:

1. Dây thứ nhất: Hội (hùn vốn) mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 1), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 22 người tham gia, 37 chân, khai được 30 kỳ, còn 07 kỳ chưa khai. D tự ý hốt 06 chân chiếm đoạt số tiền 138.065.000 đồng gồm:

- Kỳ 6, lấy tên hội viên Quách Thị C (tên danh sách hội: Võ Hồng Lệ), bỏ thăm 470.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 21.490.000 đồng.
- Kỳ 12, lấy tên hội viên Nguyễn Thu D2 (tên danh sách hội: Nguyễn Vũ Ca), bỏ thăm 570.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 21.040.000 đồng.
- Kỳ 17, lấy tên hội viên Nguyễn Phương Thuý (tên danh sách hội: Út Thuý), bỏ thăm 650.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 21.400.000 đồng.
- Kỳ 22, lấy tên hội viên Đỗ Ánh T4 (tên danh sách hội: Đỗ Ánh T4), bỏ thăm 605.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 24.900.000 đồng.
- Kỳ 24, lấy tên hội viên Quách Kiều T (tên danh sách hội: Quách Kiều T), bỏ thăm 735.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 23.035.000 đồng.
- Kỳ 29, lấy tên hội viên Nguyễn Thuý Oanh (tên danh sách hội: 6 Oanh), bỏ thăm 720.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 26.200.000 đồng.

Hội viên góp hội chưa hót hội có yêu cầu gồm: Quách Kiều T 03 chân, Quách Thị C, Nguyễn Phương T1, Đỗ Ánh T4, Võ Thúy Oanh, Phạm Kim L, Võ Thị H mỗi người 01 chân.

2. Dây thứ hai: Hội (hùn vốn) mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 2), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, 32 chân, khai được 29 kỳ, kỳ 30 khai nhưng không ai bỏ thăm nên còn 03 kỳ chưa khai. D tự ý hót 03 chân chiếm đoạt số tiền 57.160.000 đồng gồm:

- Kỳ 11, lấy tên hội viên Nguyễn Tuyết K (tên danh sách hội: Nguyễn Tuyết Khăm), bỏ thăm 500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 18.500.000 đồng.

- Kỳ 13, lấy tên hội viên Quách Thị C (tên danh sách hội: Võ Hồng Lệ), bỏ thăm 610.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.580.000 đồng.

- Kỳ 21, lấy tên hội viên Nguyễn Thị T3 (tên danh sách hội: Trương Thị Trang), bỏ thăm 495.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 22.080.000 đồng.

Hội viên góp hội chưa hót hội và đã hót hội chưa được giao tiền có yêu cầu gồm: Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1980) 02 chân, Quách Thị C, Nguyễn Tuyết K, Đỗ Ánh T4, Quách Thị B, Nguyễn Yến K, Nguyễn Thị B mỗi người 01 chân.

3. Dây thứ ba: Hội (hùn vốn) mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 3), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 17 người tham gia, 35 chân, khai được 30 kỳ, còn 05 kỳ chưa khai, D tự ý hót 02 chân, chiếm đoạt số tiền 50.900.000 đồng gồm:

- Kỳ 22, lấy tên hội viên Nguyễn Yến K (tên danh sách hội: Nguyễn Yến Phi), bỏ thăm 580.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 25.300.000 đồng.

- Kỳ 24, lấy tên hội viên Nguyễn Thị H (tên danh sách hội: Nguyễn Văn Ngoan), bỏ thăm 600.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 25.600.000 đồng.

Hội viên góp hội chưa hót hội và đã hót hội chưa được giao tiền có yêu cầu gồm: Nguyễn Thị M 03 chân, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Tuyết K, Nguyễn Thị H, Quách Thị B, Nguyễn Yến K mỗi người 01 chân.

4. Dây thứ tư: Hội mở ngày 08/3/2020, nhằm ngày 15/02/2020 âm lịch (dây 1), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 18 người tham gia, 30 chân, khai được 24 kỳ, còn 06 kỳ chưa khai. D không chiếm đoạt tiền của các hội viên.

5. Dây thứ năm: Hội mở ngày 08/3/2020, nhằm ngày 15/02/2020 âm lịch (dây 2), 1.000.000 đồng/tháng, có 19 người tham gia, 33 chân, khai được 24 kỳ, còn 09 kỳ chưa khai. D tự ý hót 04 chân chiếm đoạt số tiền 71.200.000 đồng gồm:

- Kỳ 3, lấy tên hội viên Quách Thị B (tên danh sách hội: Hải Sản), bỏ thăm 500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 15.500.000 đồng.

- Kỳ 7, lấy tên hội viên Đỗ Ánh T4 (tên danh sách hội: Thư 7), bỏ thăm 500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 16.500.000 đồng.

- Kỳ 17, lấy tên hội viên Quách Thị U (tên danh sách hội: 4 Linh), bỏ thăm 500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng.

- Kỳ 20, lấy tên hội viên Nguyễn Thị T3 (tên danh sách hội: 5 Tiên), bỏ thăm 600.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 19.200.000 đồng.

Hội viên góp hội chưa hót hội và hót hội chưa giao tiền có yêu cầu gồm: Quách Thị U 03 chân, Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1972) 02 chân, Quách Thị B 02 chân, Dương Diệu H1, Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1964) Nguyễn Thị B, Phan Văn D1, Nguyễn Thúy Oanh, Đỗ Ánh T4 mỗi người 01 chân.

6. Dây thứ sáu: Dây hui mở ngày 22/7/2020, nhằm ngày 02/6/2020 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/tháng, có 17 người tham gia, 37 chân, khai được 20 kỳ, còn 17 kỳ chưa khai. D không chiếm đoạt tiền của các hui viên.

7. Dây thứ bảy: Dây hui mở ngày 31/10/2020, nhằm ngày 15/9/2020 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/tháng, có 13 người tham gia, 32 chân, khai được 16 kỳ, còn 16 kỳ chưa khai. D không chiếm đoạt tiền của các hui viên.

8. Dây thứ tám: Dây hui mở ngày 30/10/2020 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, có 14 người tham gia, 38 chân, khai được 15 kỳ, còn 23 kỳ chưa khai. D tự ý hốt 01 chân chiếm đoạt số tiền 14.850.000 đồng gồm:

- Kỳ 6, lấy tên hui viên Đỗ Ánh T4 (tên danh sách hui: Thur 7), bỏ thăm 605.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 14.850.000 đồng.

Hui viên góp hui chưa hốt hui và hốt hui chưa được giao tiền có yêu cầu gồm: Quách Thị U 03 chân, Đỗ Bích T2 03 chân, Đỗ Ánh T4 02 chân, Nguyễn Thị C 02 chân, Bùi Kim N 02 chân, Phạm Thị H2, Võ Thị Mười B, Nguyễn Phương T1 mỗi người 01 chân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Xử phạt: Phạm Thị Bé D 07 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Buộc Phạm Thị Bé D có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại, cụ thể:

1. Bà Quách Thị U số tiền 48.255.000 đồng.
2. Bà Nguyễn Thúy Oanh số tiền 38.530.000 đồng.
3. Bà Đỗ Ánh T4 số tiền 33.590.000 đồng.
4. Bà Quách Thị C số tiền 9.579.000 đồng.
5. Bà Phạm Kim L số tiền 8.760.000 đồng.
6. Bà Võ Thị H số tiền 11.760.000 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị C số tiền 10.890.000 đồng.
8. Bà Nguyễn Thu D2 số tiền 22.920.000 đồng.
9. Bà Quách Kiều T số tiền 35.280.000 đồng.
10. Bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1972) số tiền 24.080.000 đồng.
11. Bà Nguyễn Thị M số tiền 39.165.000 đồng.
12. Bà Nguyễn Tuyết K số tiền 25.990.000 đồng.
13. Bà Đỗ Bích T2 số tiền 15.435.000 đồng
14. Bà Nguyễn Thị H số tiền 13.055.000 đồng.
15. Ông Hồ Giang A số tiền 25.600.000 đồng.
16. Bà Bùi Như Y số tiền 16.170.000 đồng
17. Bà Dương Diệu H1 số tiền 10.940.000 đồng.
18. Bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1980) số tiền 60.435.000 đồng.
19. Bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1964) số tiền 29.340.000 đồng.
20. Bà Nguyễn Thị B số tiền 21.735.000 đồng.
21. Bà Phạm Thị H2 số tiền 5.445.000 đồng
22. Ông Nguyễn Văn L số tiền 11.760.000 đồng.
23. Bà Quách Thị B số tiền 39.870.000 đồng.

24. Bà Võ Thị Mười B số tiền 4.445.000 đồng.
25. Bà Bùi Kim N số tiền 10.890.000 đồng.
26. Bà Nguyễn Yến K số tiền 46.145.000 đồng.
27. Bà Nguyễn Phương T1 số tiền 43.525.000 đồng.
28. Ông Phan Văn D1 số tiền 8.410.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; quyền nghĩa vụ thi hành án; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, bị cáo Phạm Thị Bé D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông ngoại và cậu ruột là liệt sỹ, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngày 04 và ngày 06 tháng 3 năm 2024, có 19 bị hại kháng cáo yêu cầu: về hình sự xét xử đúng người, đúng tội; về dân sự buộc bị cáo phải trả cho từng bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Quách Thị U yêu cầu số tiền 117.580.000 đồng;
- Quách Thị B yêu cầu số tiền 181.585.000 đồng;
- Nguyễn Phương T1 yêu cầu số tiền 102.300.000 đồng;
- Quách Thị C yêu cầu số tiền 25.644.000 đồng;
- Đỗ Bích T2 yêu cầu số tiền 45.000.000 đồng;
- Đỗ Ánh T4 yêu cầu số tiền 83.000.000 đồng;
- Dương Diệu H1 yêu cầu số tiền 48.000.000 đồng;
- Quách Kiều T yêu cầu số tiền 87.000.000 đồng;
- Nguyễn Tuyết K yêu cầu số tiền 58.000.000 đồng;
- Nguyễn Thu D2 yêu bị số tiền 40.160.000 đồng;
- Nguyễn Thị B yêu cầu số tiền 34.500.000 đồng;
- Nguyễn Văn L yêu cầu số tiền 29.000.000 đồng;
- Phan Văn D1 yêu cầu số tiền 19.650.000 đồng;
- Phạm Thị H2 yêu cầu số tiền 15.000.000 đồng;
- Nguyễn Thị M yêu cầu số tiền 87.000.000 đồng;
- Nguyễn Thị Đ yêu cầu số tiền 50.085.000 đồng;
- Nguyễn Thị T3 yêu cầu số tiền 46.000.000 đồng;
- Nguyễn Thị H yêu cầu số tiền 27.000.000 đồng;
- Bùi Như Y yêu cầu số tiền 27.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bị hại yêu cầu trách nhiệm hình sự và hình phạt xử lý theo pháp luật; trách nhiệm dân sự: Bị hại Quách Thị B yêu cầu số tiền 87.000.000 đồng, bị hại Phan Văn D1 yêu cầu tính theo quy định pháp luật, các bị hại còn lại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bé D; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Quách Thị U, Quách Thị B, Nguyễn Văn L, Phan Văn D1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Thị H, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Dương Diệu H1, Quách Thị C, Nguyễn Phương T1, Đỗ Bích T2, Bùi Như Y; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm

số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau về trách nhiệm dân sự; sửa án sơ thẩm về hình phạt, giảm cho bị cáo D từ 3 đến 6 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới gồm: Bị cáo có đóng góp cho hoạt động của Hội phụ nữ xã, có tự nguyện nộp khắc phục hậu quả 40.000.000 đồng, có xác nhận của một số bị hại và nhiều người dân địa phương xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, xác định: Từ năm 2019 bị cáo Phạm Thị Bé D đứng ra tổ chức làm chủ nhiều dây hội, lợi dụng việc nhiều hội viên không đi khai hội bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt 16 chân hội của 05 dây hội (1, 2, 3, 5, 8), chiếm đoạt của các hội viên số tiền 332.175.000 đồng để choàng hội và chi xài cá nhân, cụ thể:

Dây 1: Dây hùn vốn mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 1), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 22 người tham gia, 37 chân, khai được 30 kỳ, còn 07 kỳ chưa khai, bị cáo tự ý hốt 06 chân của các hội viên Quách Thị C, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Phương Thuý, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Nguyễn Thuý Oanh, chiếm đoạt số tiền 138.065.000 đồng.

Dây 2: Dây hùn vốn mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 2), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, 32 chân, khai được 29 kỳ, kỳ 30 khai nhưng không ai bỏ thăm, nên còn 03 kỳ chưa khai, bị cáo tự ý hốt 03 chân của hội viên Nguyễn Tuyết K, Quách Thị C, Nguyễn Thị T3 chiếm đoạt số tiền 57.160.000 đồng.

Dây 3: Dây hùn vốn mở ngày 30/9/2019, nhằm ngày 02/9/2019 âm lịch (dây 3), loại 1.000.000 đồng/tháng, có 17 người tham gia, 35 chân, khai được 30 kỳ, còn 05 kỳ chưa khai, bị cáo tự ý hốt 02 chân của các hội viên Nguyễn Yên K, Nguyễn Thị H, chiếm đoạt số tiền 50.900.000 đồng.

Dây 5: Dây hội mở ngày 08/3/2020, nhằm ngày 15/02/2020 âm lịch (dây 2), 1.000.000 đồng/tháng, có 19 người tham gia, 33 chân, khai được 24 kỳ, còn 09 kỳ chưa khai, bị cáo tự ý hốt 04 chân của các hội viên Quách Thị B, Đỗ Ánh T4, Quách Thị U, Nguyễn Thị T3 chiếm đoạt số tiền 71.200.000 đồng.

Dây 8: Dây hội mở ngày 30/10/2020 âm lịch, 1.000.000 đồng/tháng, có 14 người tham gia, 38 chân, khai được 15 kỳ, còn 23 kỳ chưa khai, bị cáo tự ý hốt 01 chân của hội viên Đỗ Ánh T4 chiếm đoạt số tiền 14.850.000 đồng.

Hành vi của bị cáo D là chủ hội, gian dối tự ý lấy tên hội viên bỏ, hốt hội chiếm đoạt tổng số tiền 332.175.000 đồng của các hội viên rồi tuyên bố đình hội là vi phạm pháp luật hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau, xét xử bị cáo D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị Bé D, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin các bị hại khi tham gia giao dịch dân sự bằng hình thức góp vốn, chơi hụi để tự ý hốt hụi của hụi viên, chiếm đoạt 16 kỳ hụi với tổng số tiền 332.175.000 đồng. Mỗi kỳ chiếm đoạt tiền hụi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là đúng. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có người thân là liệt sĩ do bị cáo trực tiếp thờ cúng, có nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đó, án sơ thẩm xử phạt bị cáo D mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tài liệu chứng minh có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hội phụ nữ xã Khánh An, có xác nhận xin giảm nhẹ của nhiều người dân địa phương, có nộp 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M ngày 26/6/2024. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được xem xét tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, án sơ thẩm chưa xem xét đối với bị cáo. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của 19 bị hại về trách nhiệm dân sự thấy rằng, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại đều yêu cầu bị cáo phải trả tiền hụi có lãi. Do các dây hụi 1, 2, 3, 5, 8 bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại nên giao dịch dân sự về hụi giữa bị cáo với các bị hại của các dây hụi, chân hụi này là vô hiệu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự: Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy, đối với các dây hụi nêu trên bị cáo phải hoàn trả lại cho các bị hại số tiền các bị hại thực đóng hụi (tức tiền hụi sống), không tính hụi có lãi như các bị hại kháng cáo yêu cầu. Quá trình điều tra, có bị hại không nhớ được số tiền đã thực đóng, có bị hại nhớ không chính xác, có bị hại có ghi chép và cung cấp bản ghi chép; án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu ghi chép của bị cáo, bị hại cung cấp và kết quả đối chiếu lời khai số tiền giữa bị cáo với từng bị hại. Từ đó, án sơ thẩm buộc bị cáo Phạm Thị Bé D có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại gồm: Quách Thị U số tiền 48.255.000 đồng; Đỗ Ánh T4 số tiền 33.590.000 đồng; Quách Thị C số tiền 9.579.000 đồng; Nguyễn Thu D2 số tiền 22.920.000 đồng; Quách Kiều T số tiền 35.280.000 đồng; Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972 số tiền 24.080.000 đồng; Nguyễn Thị M số tiền 39.165.000 đồng; Nguyễn Tuyết K số tiền 25.990.000 đồng; Đỗ Bích T2 số tiền 15.435.000 đồng; Dương Diệu H1 số tiền 10.940.000 đồng; Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 số tiền 29.340.000 đồng; Nguyễn Thị B số tiền 21.735.000 đồng; Phạm Thị H2 số tiền 5.445.000 đồng; Nguyễn Văn L số tiền 11.760.000 đồng; Quách Thị B số tiền 39.870.000 đồng; Nguyễn Phương T1 số tiền 43.525.000 đồng; Phan Văn D1 số tiền 8.410.000 đồng; Nguyễn Thị H số tiền 13.055.000 đồng; Bùi Như Y số tiền 16.170.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại không cung

cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bị chiếm đoạt cao hơn nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

Riêng đối với số tiền bị cáo nợ bị hại ở các dây hui khác không có hành vi phạm tội, chiếm đoạt và tiền các hui viên khác còn nợ bị cáo, bị cáo, các bị hại có quyền khởi kiện vụ kiện khác theo thủ tục dân sự.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Các bị hại thuộc diện được miễn án phí không phải nộp án phí.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bé D; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Quách Thị U, Quách Thị B, Nguyễn Văn L, Phan Văn D1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Thị H, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Dương Diệu H1, Quách Thị C, Nguyễn Phương T1, Đỗ Bích T2, Bùi Như Y.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau về hình phạt.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau về trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bé D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị Bé D có nghĩa vụ hoàn trả cho 19 bị hại có kháng cáo số tiền cụ thể gồm:

- Trả cho Quách Thị U số tiền 48.255.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Trả cho Đỗ Ánh T4 số tiền 33.590.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

- Trả cho Quách Thị C số tiền 9.579.000 đồng (cín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Trả cho Nguyễn Thu D2 số tiền 22.920.000 đồng (hai mươi hai triệu chns trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả cho Quách Kiều T số tiền 35.280.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972 số tiền 24.080.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).
- Nguyễn Thị M số tiền 39.165.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Tuyết K số tiền 25.990.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).
- Trả cho Đỗ Bích T2 số tiền 15.435.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị H số tiền 13.055.000 đồng (mười ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Bùi Như Y số tiền 16.170.000 đồng (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Trả cho Dương Diệu H1 số tiền 10.940.000 đồng (mười triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 số tiền 29.340.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị B số tiền 21.735.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Phạm Thị H2 số tiền 5.445.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Văn L số tiền 11.760.000 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Trả cho Quách Thị B số tiền 39.870.000 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Phương T1 số tiền 43.525.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Phan Văn D1 số tiền 8.410.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị Bé D không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị hại Nguyễn Văn L, Phan Văn D1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Thị H, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Dương Diệu H1, Nguyễn Phương T1, Đỗ Bích T2, Bùi Như Y, mỗi bị hại phải chịu 300.000 đồng.

Ngày 06/3/2024, bị hại Phạm Thị H2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006282; bị hại Phan Văn D1 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006283; bị hại Nguyễn Thị M nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006284; bị hại Nguyễn Văn L nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006285; bị hại Nguyễn Thị T3 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006286; bị hại Nguyễn Tuyết K nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006288; bị hại Nguyễn Thị B nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006289; bị hại Nguyễn Thu D2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006291; bị hại Đỗ Ánh T4 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006292; bị hại Quách Kiều T nộp tạm ứng 300.000 đồng theo

biên lai số 0006293; bị hại Dương Diệu H1 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006296; ngày 11/3/2024, bị hại Bùi Như Ý nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006301; ngày 13/3/2024, bị hại Nguyễn Phương Thuý nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006311; ngày 21/3/2024, bị hại Đỗ Bích T2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006324, tất cả được chuyển thu án phí.

Các bị hại Quách Thị U, Quách Thị B, Quách Thị C, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 TANDTC
- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U M;
- VKSND huyện U M;
- Tòa án nhân dân huyện U M;
- Chi cục THADS huyện U M;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Huỳnh Văn Út

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với:

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Thị Bé D, sinh ngày: 0/01/1985, nơi sinh huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 7, xã K A, huyện U M, tỉnh Cà Mau; đã bị Tòa án nhân dân huyện U M xử phạt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với mức phạt 07 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

* Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất 3/3 ý kiến;

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bé D; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Quách Thị U, Quách Thị B, Nguyễn Văn L, Phan Văn D1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Thị H, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Dương Diệu H1, Quách Thị C, Nguyễn Phương T1, Đỗ Bích T2, Bùi Như Y.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau về hình phạt.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau về trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bé D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị Bé D có nghĩa vụ hoàn trả cho 19 bị hại có kháng cáo số tiền cụ thể gồm:

- Trả cho Quách Thị U số tiền 48.255.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Đỗ Ánh T4 số tiền 33.590.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).
- Trả cho Quách Thị C số tiền 9.579.000 đồng (cín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thu D2 số tiền 22.920.000 đồng (hai mươi hai triệu chns trăm hai mươi nghìn đồng).
- Trả cho Quách Kiều T số tiền 35.280.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).
- Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972 số tiền 24.080.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).
- Nguyễn Thị M số tiền 39.165.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Tuyết K số tiền 25.990.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).
- Trả cho Đỗ Bích T2 số tiền 15.435.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị H số tiền 13.055.000 đồng (mười ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Bùi Như Y số tiền 16.170.000 đồng (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Trả cho Dương Diệu H1 số tiền 10.940.000 đồng (mười triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 số tiền 29.340.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Thị B số tiền 21.735.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Phạm Thị H2 số tiền 5.445.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Văn L số tiền 11.760.000 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Trả cho Quách Thị B số tiền 39.870.000 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Trả cho Nguyễn Phương T1 số tiền 43.525.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
- Trả cho Phan Văn D1 số tiền 8.410.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị Bé D không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị hại Nguyễn Văn L, Phan Văn D1, Phạm Thị H2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thu D2, Nguyễn Thị H, Đỗ Ánh T4, Quách Kiều T, Dương Diệu H1, Nguyễn Phương T1, Đỗ Bích T2, Bùi Như Y, mỗi bị hại phải chịu 300.000 đồng.

Ngày 06/3/2024, bị hại Phạm Thị H2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006282; bị hại Phan Văn D1 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006283; bị hại Nguyễn Thị M nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006284; bị hại Nguyễn Văn L nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006285; bị hại Nguyễn Thị T3 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006286; bị hại Nguyễn Tuyết K nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006288; bị hại Nguyễn Thị B nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006289; bị hại Nguyễn Thu D2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006291; bị hại Đỗ Ánh T4 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006292; bị hại Quách Kiều T nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006293; bị hại Dương Diệu H1 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006296; ngày 11/3/2024, bị hại Bùi Như Y nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006301; ngày 13/3/2024, bị hại Nguyễn Phương Thuý nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006311; ngày 21/3/2024, bị hại Đỗ Bích T2 nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006324, tất cả được chuyển thu án phí.

Các bị hại Quách Thị U, Quách Thị B, Quách Thị C, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miên

Huỳnh Văn Út

Trần Trọng Nhân

